

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2023/DS-ST  
Ngày: 29-9-2023  
V/v tranh chấp về yêu cầu thực  
hiện nghĩa vụ của người chết để lại

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Lài.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lê Quang Xet;
- Bà Lê Thị Mộng Tuyền.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Ngọc Giàu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 112/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ 3, khu phố 5, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt;

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1967; anh Phạm Văn S, sinh năm 2000 và bà Phạm Thị D, sinh năm 1993; cùng địa chỉ: Tổ 1, khu phố 4, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1958; địa chỉ: tổ 3, khu phố 5, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại đơn khởi kiện ngày 17/3/2023; các lời khai trong quá trình Toà án giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc P trình bày:*

Ngày 26/7/2022, ông Phạm Văn T có mượn (vay) của bà số tiền 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*); ngày 15/8/2022, bà P tiếp tục cho ông Phạm Văn T mượn (vay) số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận 3%/tháng, mục đích các khoản tiền vay trên ông T trình bày để lo việc trong gia đình, việc vay mượn được lập thành văn bản “Giấy mượn tiền” ngày 26/7/2022, ngày 15/8/2022; chữ viết trong giấy mượn tiền là do ông Phạm Văn T viết. Theo thoả thuận khi nào cần thì ông T có nghĩa vụ trả lại số tiền nêu trên cho bà P. Nay, ông T đã chết nên bà P yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ (vợ), bà Phạm Thị D (con), ông Phạm Văn S (con) là người được hưởng thừa kế toàn bộ di sản của ông T chết để lại có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ do ông T chết để lại, trả cho bà P tổng số tiền 250.000.000 đồng và lãi suất số tiền 21.875.000 đồng. Tổng cộng là 271.875.000 đồng. Theo “Giấy mượn tiền” ghi nội dung “...Tôi Phạm Văn T: 1963 có mượn chị 10 (200 triệu)” và “...Tôi Phạm Văn T: 1963 có mượn chị 10 thêm (50 triệu)...” vì bà Nguyễn Ngọc P có tên thường gọi ở nhà là “chị 10”.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc P yêu cầu Trung cầu giám định đối với chữ ký và chữ viết của ông Phạm Văn T.

Theo kết L giám định số 432/KL-KTHS (TL) ngày 03/9/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết L: Chữ ký viết tên “T” dòng 5, dòng 10 và chữ viết họ tên “Phạm T” dòng 13 trên 01 (một) “Giấy mượn tiền”, đề các ngày 26/7/2022, 15/8/2022 (ký hiệu A) so sánh với chữ ký viết tên “T”, chữ viết họ tên Phạm Văn T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M6) do cùng một người ký và viết ra.

*Người làm chứng ông Nguyễn Văn L trình bày:* Ông Nguyễn Văn L là hàng xóm, láng giềng của ông Phạm Văn T, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1961. Ông T cũng thường đến vay tiền của ông L nên ngày 26/7/2022, ông T có đến nhà ông L hỏi vay tiền để lo việc gia đình nhưng ông L không có, ông L biết bà Nguyễn Ngọc P có tiền cho vay vì bà P mới bán nhà. Ông L đã giới thiệu cho ông T đến vay của bà P số tiền 200.000.000 đồng. Đến ngày 15/8/2022, ông T tiếp tục nhờ ông L nói với bà P cho vay số tiền 50.000.000 đồng. Khi cho vay có lập thành văn bản nhưng nội dung ghi như thế nào ông L không biết. Tổng số tiền ông T vay của bà P là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), về lãi suất vay ông L không biết bà P cho ông T vay tính tiền lãi như thế nào. Do ông T làm ăn thua lỗ nên chưa trả tiền cho bà P cũng như chưa trả tiền cho ông L. Đến khoảng tầm qua tết âm lịch thì ông T chết. Việc vay mượn tiền giữa ông T và bà P ông L biết rõ vì ông L là người giới thiệu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc P về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng). Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc P yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 40.000.000 đồng; đình chỉ đối với yêu cầu trả tiền lãi số tiền 21.875.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Phạm Văn T chết để lại. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về việc vắng mặt của các đương sự:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ, ông Phạm Văn S và bà Phạm Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; người làm chứng ông Nguyễn Văn L có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 và 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người làm chứng.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Ngọc P khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ, ông Phạm Văn S và bà Phạm Thị D là người được hưởng thừa kế toàn bộ di sản của ông Phạm Văn T chết để lại có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ do ông T chết để lại, trả cho bà P số tiền 250.000.000 đồng. Nguyên đơn rút yêu cầu về việc yêu cầu bị đơn trả tiền lãi 21.875.000 đồng. Nguyên đơn cung cấp Giấy mượn tiền có chữ ký và chữ viết của ông Phạm Văn T.

[3] Xét việc bà Nguyễn Ngọc P cho ông Phạm Văn T mượn số tiền 250.000.000 đồng vào ngày 26/7/2022 và ngày 15/8/2022 theo đó ông T có ký tên vào Giấy mượn tiền, hai bên thoả thuận khi nào bà P cần thì trả lại. Ngày 24/02/2023 ông T chết, ngày 17/3/2023 bà Nguyễn Ngọc P khởi kiện yêu cầu người được hưởng thừa kế toàn bộ di sản của ông T chết để lại có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ do ông T chết để lại, trả cho bà P số tiền 250.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc thoả thuận của bà P và ông T là hoàn toàn tự nguyện, có giấy mượn tiền do ông T viết và ký tên.

[4] Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc P yêu cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết của ông T theo Giấy mượn tiền ngày 26/7/2022 và 15/8/2022. Tại kết Luận giám định số 432/KL-KTHS (TL) ngày 03/9/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết L: Chữ ký viết tên “T” dòng 5, dòng 10 và chữ viết họ tên “Phạm T” dòng 13 trên 01 (một) “Giấy mượn tiền”, đề các ngày 26/7/2022, 15/8/2022 (ký hiệu A) so sánh với chữ ký viết tên “T”, chữ viết họ tên Phạm Văn T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M6) do cùng một người ký và viết ra. Như vậy, có căn cứ để xác định ông Phạm Văn T có mượn (vay) của bà Nguyễn Ngọc P số tiền 250.000.000 đồng.

[5] Căn cứ Trích lục khai tử số 422/TLKT-BS ngày 04/7/2023 đăng ký ngày 01/3/2023 tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Tân thể hiện ông Phạm Văn T đã chết vào ngày 24/02/2023.

Biên bản xác minh ngày 04/7/2023 tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Tân cung cấp: Cha, mẹ của ông Phạm Văn T đã chết trước ông T, vợ ông T tên Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1967, con Phạm Văn S, sinh năm 2000 và Phạm Thị D, sinh năm 1993.

Quá trình giải quyết vụ án xác định, sau khi ông T chết đã để lại di sản thừa kế gồm một phần trong diện tích đất 1.174m<sup>2</sup> tại thửa 92, tờ bản đồ số 10 tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H 00101 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên (nay là thành phố Tân Uyên) cấp ngày 25/5/2005 cho hộ ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Đ.

Biên bản xác minh ngày 06/7/2023 của Tòa án, ông Trần Nhật Chánh – Trưởng khu phố 5, phường V, thành phố T cung cấp thông tin: Bà Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ 3, khu phố 5, phường Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương có tên thường gọi là bà 10.

Công văn số 1132/CNTU-LT ngày 21/7/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Tân Uyên thể hiện: Hộ ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Đ được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 25/5/2005, đối với diện tích 1.174m<sup>2</sup>, thửa đất số 92, tờ bản đồ số 10, sổ vào sổ H 00101 (cấp đổi từ GCN

sổ vào sổ 01513 QSDĐ/TU), hiện tại không có cập nhật thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[6] Theo Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “Nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

[7] Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia các phiên hoà giải, tham gia phiên toà nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là đã tự mình từ bỏ quyền lợi của mình.

[8] Căn cứ vào Giấy mượn tiền và những căn cứ nêu trên xác định ông Phạm Văn T có mượn (vay) của bà Nguyễn Ngọc P số tiền 250.000.000 đồng, các ông bà Nguyễn Thị Đ, Phạm Văn S, Phạm Thị D là người hưởng di sản thừa kế của ông T do đó buộc các ông bà nêu trên thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà P trong phạm vi di sản thừa kế của ông T để lại là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn trình bày ông T đã trả cho bà P số tiền lãi là 40.000.000 đồng. Theo Giấy mượn tiền thể hiện giữa hai bên không thỏa thuận về tiền lãi, nguyên đơn không chứng minh được số tiền 40.000.000 đồng là trả tiền lãi cho khoản vay nào và trả cho tháng nào nên có căn cứ xác định bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 40.000.000 đồng khấu trừ vào số tiền gốc 250.000.000 đồng. Như vậy, chỉ có căn cứ chấp nhận buộc các bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng).

[9] Về lãi suất: Nguyên đơn rút yêu cầu về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi 21.875.000 đồng (Hai mươi một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[10] Theo biên bản định giá ngày 28/8/2023 thể hiện, đất ở có giá là  $12.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 3.600.000.000 \text{ đồng/m}^2$  (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng/m<sup>2</sup>); đất nông nghiệp có giá là  $8.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 6.922.000.000 \text{ đồng}$  (Sáu tỷ chín trăm hai mươi hai triệu đồng). Tổng cộng là 10.592.000.000 đồng (Mười tỷ năm trăm chín mươi hai triệu đồng).

[11] Về chi phí trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết, định giá: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc P nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Bà P không phải chịu, bà P đã nộp và chi xong nên buộc bị đơn phải hoàn trả lại cho bà P 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc P là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, 227, 228, 229, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 463, 466, 615, 650, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi 21.705.000 đồng (Hai mươi một triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc P về việc yêu cầu các bị đơn bà Nguyễn Thị Đ, ông Phạm Văn S và bà Phạm Thị D thực hiện nghĩa vụ của ông Phạm Văn T chết để lại. Buộc các bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng) trong phạm vi giá trị di sản thừa kế ông Phạm Văn T chết để lại.

3. Không chấp nhận đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc P yêu cầu các bị đơn bà Nguyễn Thị Đ, ông Phạm Văn S và bà Phạm Thị D thực hiện nghĩa vụ của ông Phạm Văn T chết để lại trả cho bà P số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về chi phí trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết, định giá: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc P đã nộp số tiền 3.500.000 đồng. Bà P không phải chịu, bà P đã nộp và chi xong nên buộc các bị đơn phải hoàn trả lại cho bà P 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1 Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc P được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

5.2 Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ, ông Phạm Văn S và bà Phạm Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

#### 6. Về quyền kháng cáo:

6.1 Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6.2 Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Lài**